

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUY ĐỨC  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/DS-ST

Ngày 20/8/2019.

“*V/v Tranh chấp*

*hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Long Ca.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Lưu Ngọc Khoa và ông Vũ Đức Minh.

- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Thủy – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Văn – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019 tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2019/TLST- DS, ngày 19 tháng 02 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-DS, ngày 01/7/2019 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Anh Đặng Văn H, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn 8, xã Đ B S, huyện T Đ, tỉnh Đ N – Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hồng L, sinh năm 1980 và chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn 6, xã Đ B S, huyện T Đ, tỉnh Đ N – Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 02 năm 2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Đặng Văn H trình bày:*

Vào năm 2017 tôi có cho vợ chồng chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hồng L vay số tiền 250.000.000 đồng. Đến ngày 24/01/2018 hai bên tính toán tiền lãi là 100.000.000 đồng, sau đó hai bên thống nhất hủy giấy vay nợ năm 2017 viết lại giấy vay mới ngày 24/01/2018.

Cùng ngày 24/01/2018 tôi tiếp tục cho vợ chồng chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hồng L vay số tiền 250.000.000 đồng, hai bên có viết giấy nợ với nhau nhưng không thỏa thuận về lãi suất, thời hạn trả ngày 24/01/2019. Như vậy cả số tiền gốc và tiền lãi của năm 2017 là 350.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ vợ chồng chị T và anh L vẫn không trả cho tôi, mặc dầu tôi đã đòi nhiều lần.

Vì vậy, nay tôi rút một phần đơn khởi kiện với số tiền 100.000.000 đồng tiền lãi của năm 2017 mà chị T và anh L đã nợ tôi chỉ yêu cầu chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hồng L phải trả số tiền gốc 250.000.000 và lãi suất chậm trả từ ngày

24/01/2019 cho đến khi kết thúc vụ án. Trong năm 2018 tôi có đổ xăng tại cây xăng nhà chị T với số tiền 50.000.000 đồng. Số tiền này hai bên thỏa thuận với nhau sẽ được trừ vào số tiền lãi mà chị T, anh L đã nợ lãi trong năm 2017. Tuy nhiên vì không có giấy tờ vay của năm 2017 giữa tôi và chị T nên tôi đồng ý sẽ trừ số tiền tôi đã đổ 50.000.000 đồng vào số tiền gốc mà chị T và anh L còn nợ tôi.

Về án phí: Chị T và anh L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu chị T và anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

***\* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hồng L trình bày:***

Chị T và anh L thừa nhận có nợ anh Đặng Văn H số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) hai bên có viết giấy vay nợ với nhau như anh H trình bày là đúng. Đối với số tiền 100.000.000 đồng là do hai bên thống nhất tính tiền lãi của năm 2018 và đồng ý cho anh Đặng Văn H đổ dầu trong năm 2018, cụ thể anh H đã đổ dầu được 50.000.000 đồng. Nay anh Đặng Văn H khởi kiện yêu cầu vợ chồng tôi trả số nợ gốc 250.000.000 đồng và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật kể từ ngày 24/01/2019 cho đến khi kết thúc vụ án và trừ đi số tiền anh H đã đổ dầu 50.000.000 đồng tôi đồng ý. Tuy nhiên do điều kiện kinh tế khó khăn tôi đề nghị anh H tạo điều kiện cho tôi được trả dần.

Về án phí tôi đồng ý chịu theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút một phần đơn khởi kiện đối với số tiền 100.000.000 đồng và yêu cầu chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hồng L phải trả số tiền gốc 250.000.000 và lãi suất chậm trả từ ngày 24/01/2019 cho đến khi kết thúc vụ án. Anh H đồng ý sau khi tính lãi suất chậm trả của năm 2018 thì trừ đi số tiền 50.000.000 đồng mà anh đã đổ dầu tại nhà chị Tuyền.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có ý gì.

***\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu quan điểm về trình tự thủ tục tố tụng và hướng xử lý vụ án:***

Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thiết lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đúng trình tự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đúng nguyên tắc, người tham gia tố tụng chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hồng L không chấp hành quy định của pháp luật.

Tranh chấp được thụ lý, giải quyết là vụ án dân sự, cụ thể là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, được thụ lý, giải quyết đúng theo các Điều 26; 35; 39-BLTTDS 2015.

Về nội dung vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357; Điều 463; Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đặng Văn Hưng.

Chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Hồng L phải trả cho anh Đặng Văn H số tiền gốc 250.000.000 và lãi suất chậm trả từ ngày 24/01/2019 cho đến khi kết thúc vụ án

và khấu trừ số tiền 50.000.000 đồng mà anh H đã đổ dầu tại nhà chị T là có căn cứ và buộc chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Hồng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Toà án đã triệu tập các đương sự trong vụ án đồng thời tổng đạt các thủ tục tố tụng, tiến hành lấy lời khai, công khai chứng cứ và hoà giải giữa các đương sự theo quy định pháp luật nhưng các bên không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Nên Toà án ban hành quyết định đưa ra xét xử theo đúng thủ tục tố tụng; Bị đơn chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hồng L có hộ khẩu tại thôn 6, xã Đ B S, huyện T Đ, tỉnh Đ N. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hồng L vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hồng L.

[2] Về quan hệ pháp luật và nội dung tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Văn H yêu cầu chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hồng L phải trả số tiền 250.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật mà chị T, anh L đã ký giấy vay nợ ngày 24/01/2018 hai bên không thoả thuận về lãi suất nhưng có thoả thuận về thời hạn trả vào ngày 24/01/2019.

Trong năm 2018 anh H có đổ xăng tại cây xăng nhà chị T với số tiền 50.000.000 đồng. Số tiền này hai bên thỏa thuận với nhau sẽ được trừ vào số tiền lãi mà chị T, anh L đã nợ lãi trong năm 2017. Tuy nhiên vì không có giấy tờ vay của năm 2017 giữa anh H và chị T nên anh H đồng ý sẽ trừ số tiền đã đổ dầu vào số tiền mà chị T và anh L còn nợ anh H tiền gốc và lãi suất chậm trả trong năm 2018. Do đó anh Đặng Văn H khởi kiện chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Hồng L phải trả số tiền 250.000.000 và lãi suất chậm trả từ ngày 24/01/2019 cho đến khi kết thúc vụ án; Bị đơn chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Hồng L đồng ý số nợ như nguyên đơn trình bày nhưng xin trả dần và đồng ý trả lãi suất theo quy định của pháp luật. Nên vụ án này có quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự;

\* Nhận định của Hội đồng xét xử:

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án đương sự giao nộp chứng cứ gốc là giấy vay tiền ngày 24/01/2018 anh Đặng Văn H có cho chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hồng L vay số tiền 250.000.000 đồng. Trong năm 2018 anh H có đổ dầu tại cây xăng nhà chị T với số tiền 50.000.000 đồng và chị T cho rằng số tiền anh H đổ dầu được trừ vào số tiền lãi của năm 2018 do anh H không chứng minh được số tiền 50.000.000 anh đã đổ dầu là tiền lãi mà chị T anh L nợ trong năm 2017 nên anh H đồng ý số tiền 50.000.000 đồng anh đã đổ dầu được trừ vào tiền lãi của năm

2018, số còn lại được trừ vào tiền gốc mà chị T, anh L còn nợ anh. Tòa án đã tiến hành họp công khai chứng cứ cho các đương sự được biết; các đương sự đều thừa nhận chứng cứ trong hồ sơ là có thực, nhưng trong quá trình Tòa án hòa giải thì anh Đặng Văn H yêu cầu chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hồng L phải trả số tiền gốc và lãi suất thành 01 lần. Chị T thừa nhận số nợ nói trên là đúng nhưng xin anh H cho trả dần. Do các bên không thống nhất được với nhau về thời hạn trả nợ nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

[4] Giấy vay tiền ngày 24/01/2018 với số tiền 250.000.000 đồng. Các đương sự đều thừa nhận là có thực nên không cần phải chứng minh.

Việc vay mượn giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Đến thời hạn trả nợ anh Đặng Văn H đã đến gặp chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hồng L để yêu cầu trả nợ nhưng chị T, anh L vẫn không chịu trả nên anh H làm đơn khởi kiện. Như vậy chị T, anh L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015.

[5] Xét giấy vay nợ ngày 24/01/2018 hai bên không có thỏa thuận về lãi suất với nhau; Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Đặng Văn H yêu cầu chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hồng L phải trả số tiền gốc 250.000.000 và lãi suất quá hạn theo quy định của pháp luật từ ngày 24/01/2018 cho đến khi kết thúc vụ án.

Ngoài ra anh H cũng thừa nhận đã đổ dầu tại cây xăng của chị T với số tiền 50.000.000 đồng. Tuy nhiên khi đổ dầu thì giữa anh H và chị T không nói rõ là tiền lãi năm 2017 hay là tiền lãi năm 2018. Nay chị T cho rằng số tiền đổ dầu 50.000.000 nói trên được trừ vào số tiền lãi năm 2018. Do anh H không chứng minh được số tiền 50.000.000 đồng đã đổ dầu là tiền lãi của năm 2017, nên HĐXX cần tính vào số tiền chị T trả lãi của năm 2018, phần vượt quá sẽ được trừ vào tiền gốc của món vay 250.000.000 là có cơ sở. HĐXX cần áp dụng khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tính lãi suất cụ thể như sau:

Chị T và anh L còn phải trả lãi suất quá hạn cho anh Hưng được pháp luật quy định là 15%/năm (tương đương 1,25%/tháng).

$250.000.000 \times 1,25\%/tháng (15\%/năm) \times 7 \text{ tháng (tính từ ngày 24/01/2019 đến ngày 20/8/2019)} = 21.875.000 \text{ đồng.}$

[6] Xét việc chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hồng L cho anh H đổ dầu với số tiền 50.000.000 đồng trong năm 2018 được tính vào tiền lãi mà chị T phải trả cho anh H đã vượt quá phần lãi suất do nhà nước quy định nên cần được trừ vào số tiền gốc mà chị T còn nợ anh H.

$50.000.000 \text{ đồng} - 21.875.000 \text{ đồng} = 28.125.000 \text{ đồng.}$

Như vậy số tiền gốc, tiền lãi quá hạn chị Tuyền còn nợ anh H như sau.

$(250.000.000 + 21.875.000) - 28.125.000 = 243.750.000 \text{ đồng (Hai trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).}$

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Văn H. Buộc chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hồng

L phải trả cho anh Đặng Văn H số tiền gốc, tiền lãi quá hạn là 243.750.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

[7] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hồng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 184; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đặng Văn H đối với chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hồng L.

Buộc chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hồng L phải trả số tiền là 243.750.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) cho anh Đặng Văn H. Trong đó số tiền gốc 221.870.000 (*Hai trăm hai mươi một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*); Tiền lãi quá hạn 21.875.000 đồng (*Hai mươi một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Án phí dân sự là 12.187.500 đồng (*Mười hai triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*). Buộc chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hồng L phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 12.187.500 đồng (*Mười hai triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*), cụ thể mỗi người phải chịu 6.093.750 đồng (*Sáu triệu không trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng*). Trả lại cho anh Đặng Văn H số tiền là 8.750.000 đồng (*Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) anh Đặng Văn H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000670, ngày 18/2/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;

- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

***Phan Long Ca***